

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN

KỶ THƯƠNG

TECHCOMSECURITIES



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO

Danh sách đề cử ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023 Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương

**Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);
- Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 (“Luật số 03”);
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“Luật Chứng khoán”);
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định số 155”);
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương;
- Thông báo về việc đề cử ứng cử viên Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Đơn đề cử ứng cử viên tham gia Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023 của cổ đông lớn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

Trên cơ sở hồ sơ đề cử ứng cử viên tham gia bầu Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023 của cổ đông/nhóm cổ đông. Ban tổ chức Đại hội đã tiến hành xem xét hồ sơ và thông báo đến Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công Ty danh sách ứng cử viên như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Năm sinh	Quốc tịch	Trình độ học vấn	Ghi chú
1	Darren Neale Buckley	1966	Anh Quốc	Chuyên ngành Business	Do cổ đông Ngân hàng TMCP Kỹ

				Finance & Economics	Thương Việt Nam đề cử.
2	Alexandre Charles Emmanuel Macaire	1973	Pháp	Thạc sỹ quản lý công	Do cổ đông Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam đề cử.

(Trích yếu thông tin ứng cử viên đính kèm Báo cáo này).

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**

NGUYỄN XUÂN MINH

TRÍCH YẾU THÔNG TIN
ỨNG CỬ VIÊN BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- **Họ và tên:** Darren Neale Buckley
- **Giới tính:** Nam
- **Năm sinh:** 1966
- **Quốc tịch:** Anh Quốc
- **Địa chỉ cư trú:** Elegant Suites Westlake, Đặng Thai Mai St, Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội

II. TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

STT	Tên văn bằng	Chuyên ngành	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
1	BSc	Business Finance & Economics	1984-1987	University of East Anglia, UK
2	FCA	Chartered Accountant	1987-1991	Institute of Chartered Accountants in England & Wales
3	Honorary Professor	International Finance	2008	Dalian University of Foreign Languages, China
4	Honorary Professor	International Finance	2008	Harbin Normal University, China

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

STT	Từ năm.... Đến năm....	Đơn vị công tác	Chức vụ
1	1987-1992	PwC, London, UK	Manager
2	1992-2021	Citi in Europe, Africa, Middle East, New York, Tokyo, Singapore, Bangkok, Shanghai	Managing Director
3	2021-nay	Technological and Commercial Joint stock Bank of Vietnam	Chief Retail Banking Group Officer

TRÍCH YẾU THÔNG TIN
ỨNG CỬ VIÊN BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- **Họ và tên:** Alexandre Charles Emmanuel Macaire
- **Giới tính:** Nam
- **Năm sinh:** 1973
- **Quốc tịch:** Pháp
- **Địa chỉ cư trú:** đường Nguyệt Quế, khu đô thị Vinhomes Riverside The Harmony, Long Biên, Hà Nội.

II. TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN

STT No.	Tên văn bằng/ <i>Qualifications</i>	Chuyên ngành/ <i>Majors</i>	Thời gian đào tạo/ <i>Period</i>	Cơ sở đào tạo/ <i>Institution</i>
1	Thạc sỹ quản lý công/ Master in Public administration		1999 - 2001	Đại học hành chính công quốc gia/ <i>National School of Administration</i>
2	Cử nhân thống kê/ <i>Statistician</i>	Tài chính/ <i>Actuarial finance</i>	1996 - 1998	Đại học thống kê và quản lý kinh tế quốc gia/ <i>National School of Statistics and Economic Administration</i>
3	Thạc sỹ/ <i>Master</i>	Luật quốc tế và luật Pháp; các vấn đề chính trị/ <i>International and French law, political affairs</i>	1996 - 1998	Học viện chính trị/ <i>Institute of Political Studies</i>
4	Thạc sỹ/ <i>Master</i>	Toán học và vật lý lượng tử/ <i>Mathematics and quantum physics</i>	1993 - 1996	Đại học Bách khoa/ <i>Ecole Polytechnique (X)</i>

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

STT No.	Từ năm.... Đến năm.... <i>From ... to</i>	Đơn vị công tác/ <i>Working Place</i>	Chức vụ/ <i>Position</i>
1.	Tháng 8/2020 – đến nay <i>Aug 2020 – Present</i>	Wealth and Personal Banking Asia Pacific	Giám đốc tài chính/ <i>Chief Financial Officer</i>

2.	2015 - Tháng 7/2020 <i>2015 – Jul 2020</i>	HSBC Life and Insurance partnerships, London (2015-2017) and HongKong	Giám đốc tài chính/ <i>Chief Financial Officer</i>
3.	2013 - 2015	HSBC Private Bank Suisse SA	Giám đốc tài chính và Trưởng phòng Tài chính Doanh nghiệp Ngân hàng Tư nhân EMEA/ <i>Chief Financial Officer and Head of Private Banking Business Finance EMEA</i>
4.	2011 - 2013	HSBC Bank plc	Phó Giám đốc Tài chính khu vực Châu Âu (2011-2012); Giám đốc Tài chính toàn cầu khu vực Châu Âu (2012-2013)/ <i>Deputy Chief Financial Officer for Continental Europe (2011-2012) then Chief Financial Officer for the Europe Internatinal region (2012-2013)</i>
5.	2009 – 2011	HSBC France (Paris)	Trưởng phòng phân tích và quản lý vốn/ <i>Head of analysis and capital management</i>
6.	2007 - 2009	HSBC France (Paris)	Đồng trưởng bộ phận bán hàng cho các khách hàng doanh nghiệp Pháp có cấu trúc cổ phần/ <i>Co-head of sales in structured equity solutions for French corporate clients</i>
7.	2003 - 2007	French finance ministry (Paris)	Kiểm toán viên/ <i>Senior auditor</i>
8.	2001 - 2003	French defence procurement agency	Giám đốc chiến lược/ <i>Head of the strategy desk</i>
9.	H2 1999	French local government officer	Trong thời gian đào tạo việc/ <i>On the job training period</i>
10	H1 1999	Gras Savoye	Trong thời gian đào tạo việc/ <i>On the job training</i>
11.	H2 1998	French military shipyards	Phó giám đốc Dự án Scorpene/ <i>Deputy manager of project Scorpene</i>
12.	H2 1997	Boston Consulting Group, Paris	Tư vấn học viên/ <i>Consultant trainee</i>

13.	1993 - 1994	French Navy	Sĩ quan canh gác trên tàu của Hải quân Pháp/ <i>Officer of the watch on board a ship of the French Navy</i>
-----	-------------	-------------	---